

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23/01/2024

Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phương.

2. Ông Nguyễn Thế Khoa.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Công Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Tiết Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1971;

Bị đơn: ông Đoàn Văn H, sinh năm: 1970;

Đồng địa chỉ: thôn Hạnh L, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Người làm chứng: bà Đoàn Thị X, sinh năm 1964;

Địa chỉ: thôn Hạnh L, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Bà N có mặt, còn lại có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông Đoàn Văn H tự nguyện tìm hiểu nhau tổ chức cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 02 năm 1990 tại UBND xã

Hòa Q (nay Hòa Quang B), huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: do không phù hợp tính tính, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, ông H làm không đưa tiền cho bà N để chi tiêu trong cuộc sống gia đình. Mặc dù vậy, nhưng bà N vẫn cố gắng sống chung cùng nuôi con khôn lớn; Sự việc mâu thuẫn được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải, can thiệp nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Bà N và ông H tự sống ly thân một thời gian và xa nhau không ai quan tâm đến ai từ tháng 3/2023 đến nay. Vậy bà N nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: bà N khai có hai người con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày 22/11/1989 (đã chết); Đoàn Thị Phụng L, sinh ngày 02/10/1990. Nay ly hôn con đã trưởng thành tự lo làm ăn được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Văn H: mặc dù Tòa án đã tổng đạt cho ông H thông báo thụ lý vụ án, hòa giải; nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng ông H vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập, chỉ gửi đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

Người làm chứng bà Đoàn Thị X trình bày: bà X là chị ruột ông H theo bà mâu thuẫn của ông H, bà N có từ lâu gia đình hai bên đều biết hòa giải nhưng không thành, ông H làm trong Sài Gòn không gửi tiền về cho bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà N; bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đoàn Văn H.

-Về con chung: Đoàn Thị Phụng L, sinh ngày 02/10/1990 đã trưởng thành tự lo làm ăn được, bà N không yêu cầu nên không xem xét.

-Về tài sản chung: bà N không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay bà N xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ông H cư trú tại xã Hòa Quang B, huyện Phú H, nên Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa thụ lý giải quyết. Bị đơn ông Đoàn Văn H và người làm chứng bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Q (nay Hòa Quang B), huyện Phú H, tỉnh Phú Yên vào số 11, quyển số 04, ngày 28/2/1990. Đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, bà N và ông H xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N, ông H không hợp nhau về tính tình, không cùng quan điểm sống nên xảy ra kinh cãi, Dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn của ông, bà vẫn xảy ra và kéo dài, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và xa nhau từ tháng 3/2023; nên bà N xin ly hôn. Đối với ông Đoàn Văn H đã được thông báo về việc bà N xin ly hôn, được triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông H nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N là yêu cầu xét xử theo quy định pháp luật. Điều đó thể hiện ông H không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà N và ông H xảy ra là có thật, phù hợp với lời khai người làm chứng và không ai muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, dù có duy trì hôn nhân của ông H, bà N về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không còn tồn tại; nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N; bà N được ly hôn ông H.

[3] Về con chung: xét thấy con chung tên Đoàn Thị Phượng L, sinh ngày 02/10/1990 đã trưởng thành tự lo làm ăn được, bà N không yêu cầu gì; nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 , 229, 238 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24 và 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà N: bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đoàn Văn H.

Về án phí: bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010140 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh, huyện Phú Hoà;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- UBND xã Hòa Quang B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoan

